

Số: /GCN-SXD

Gia Lai, ngày tháng 5 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 10/3/2025 của UBND tỉnh Gia Lai ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Chi nhánh Gia Lai - Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế xây dựng Kiểm định 306; Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 18/4/2025;

CHỨNG NHẬN:

1. Chi nhánh Gia Lai - Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế xây dựng Kiểm định 306.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh doanh nghiệp số: 0315485968-001 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 20 tháng 3 năm 2024 (nay là phòng Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể - Sở Tài Chính Gia Lai). Đăng ký thay đổi lần thứ I, ngày 11 tháng 4 năm 2025.

Địa chỉ: Số 451 Hoàng Hoa Thám, phường An Tân, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: 0964782869

Fax: 02693.897950 - Email:

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm kiểm định xây dựng 306

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 451 Hoàng Hoa Thám, phường An Tân, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: LAS-XD 21.011

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV TVTKXDKĐ 306
- Bộ XD (b/cáo);
- Giám đốc Sở (b/cáo);
- Trang TTĐT của Sở;
- Lưu: VT, QLXDKCHT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lý Tấn Toàn

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 21.011**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: /GCN-SXD ngày tháng 5 năm 2025 của Sở Xây dựng Gia Lai)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
I	Thử nghiệm cơ lý xi măng	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
2	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích của xi măng	TCVN 6017:2015; TCVN 10653:2015
3	Xác định độ bền nén và uốn	TCVN 6016:2011
4	Hàm lượng Anhydrit Sunfuric SO ₃ , Hàm lượng mất khi nung, Hàm lượng Mange Oxit (MgO)	TCVN141:2008
II	Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng	
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 TCVN 3105:2022
2	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
3	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
4	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:1993
5	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
6	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
7	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
8	Xác định độ chống thấm K	TCVN 3116:2022
9	Xác định giới hạn bền nén	TCVN 3118:2022 TCVN 5726:2022
10	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
11	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022
12	Xác định cường độ thời gian ninh kết của hỗn hợp bê tông	TCVN9338:2012
13	Bê tông cường độ cao - Thiết kế thành phần mẫu hình trụ.	TCVN10306:2014

14	Thiết kế thành phần cấp phối hỗn hợp bê tông	HD 778/98; TCVN 9382 :2012
III	Thử nghiệm cốt liệu bê tông và vữa	
1	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006
2	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T84; AASHTO T85
3	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 TCVN 8735: 2012
4	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hong	TCVN 7572-6:2006
5	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
6	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
7	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
8	Xác định cường độ và độ hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
9	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
10	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles	TCVN 7572-12:2006 AASHTO T96
11	Xác định hàm lượng hạt trôi dạt trong cốt liệu lớn.	TCVN 7572-13:2006
12	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hóa	TCVN 7572-17:2006
13	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
14	Khả năng phản ứng kiềm Silic của cốt liệu	TCVN7572-14:2006
15	Xác định hàm lượng ion clorua	TCVN7572-15:2006
16	Xác định hàm lượng ion sunfat và sunfit	TCVN7572-16:2006
IV	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng	
1	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012
2	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
3	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014
5	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012 22TCN 333:2006

		TCVN12790:2020;TCVN 4201:12
6	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
7	TN sức chịu tải (CBR) của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006;TCVN 2792:20; 22 TCN 332:06
8	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012
9	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9 :2006; TCVN 8726 :2012
10	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:20; TCVN8721:12 ; 22 TCN 333:06
V	Thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của kim Loại và liên kết hàn	
1	Thử kéo kim loại	TCVN 197-1:14; TCVN 7937:13;TCVN 9391:12; TCVN 1916:95
2	Thử uốn kim loại	TCVN 198:08; TCVN 6287:97; TCVN 5891:08
3	Kiểm tra chất lượng mối hàn- thử uốn	TCVN 5401:2010
4	Thử phá hủy mối hàn kim loại - thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
5	Thử phá hủy mối hàn kim loại - thử kéo dọc	TCVN 8310:2010
VI	Thử nghiệm cơ lý bê tông nhựa	
1	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
2	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011
3	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
4	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
5	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng riêng của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
6	Xác định độ chảy của nhựa	TCVN 8860-6:2011
7	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
8	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
9	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
10	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN8860-10:2011
11	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN8860-11:2011
12	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN8860-12:2011

13	Xác định độ góc cạnh cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
14	Hàm lượng hạt nhỏ hơn 0.075mm	TCVN 9205: 2012
15	Hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu, %	AASHTO T112
16	Phương pháp thiết kế bê tông nhựa theo phương pháp Marsall	TCVN 8820:2011
VII	Nhựa Bitum (Nhựa đường đặc)	
1	Bi tum – Phương pháp lấy mẫu	TCVN 7494:2005
2	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
3	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
4	Xác nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
5	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005
6	Xác định tổn thất khối lượng sau khi đun nóng ở 1630C so với ở 250C	TCVN 7499:2005
7	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005
8	Xác định khối lượng riêng (Tỷ trọng	TCVN 7501:2005
9	Độ nhớt động học	TCVN 7502:2005
10	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:2005
11	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
VIII	Thí nghiệm nhựa đường lỏng	
1	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005
2	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2: 2011
3	Xác định điểm chớp cháy	TCVN 8818-2: 2011
4	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3: 2011
5	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4: 2011
6	Xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5: 2011
IX	Thí nghiệm nhựa đường gốc axit (nhũ tương)	
1	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2: 2011

2	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3: 2011
3	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4: 2011
4	Thử nghiệm trộn với XM	TCVN 8817-7: 2011
5	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8: 2011
6	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9: 2011
7	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
X	Thử cơ lý vật liệu bột khoáng trong bê tông nhựa	
1	Khối lượng riêng của bột khoáng	TCVN 8735:2012
2	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020
3	Xác định độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
XI	Thử nghiệm hiện trường	
1	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao vòng	TCVN 12791:20; 22 TCN 02:71; TCVN 8729:12; TCVN 8730:12
2	Xác định độ chặt hiện trường bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:12; TCVN 8730:12; 22 TCN 346:06
3	Xác định mô đun đàn hồi của nền đường và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng.	TCVN 8861:2011
4	Xác định mô đun đàn hồi chung của áo đường bằng cần đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2011
5	Xác định độ bằng phẳng bằng của mặt đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
6	Đo độ nhám mặt đường đo bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
7	PP xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
8	Xác định độ ẩm đất hiện trường	TCVN 8728:2012
XII	Cơ lý vữa và hỗn hợp vữa xây dựng	
1	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
2	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
3	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
4	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
5	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa	TCVN 3121-9:2022

	tươi	
6	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn.	TCVN 3121-10:2022
7	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022
8	Xác định độ hút nước của mẫu vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
9	Thiết kế thành phần vữa xây dựng	TCVN 4459: 1987
XIII	Thử nghiệm gạch đất sét nung	
1	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
2	Xác định cường độ bền nén, bền uốn	TCVN 6355-2:2009
3	Xác định độ hút nước, Xác định khối lượng thể tích, Xác định độ rỗng gạch xây	TCVN 6355-4:2009 TCVN 6355-5:2009 TCVN 6355-6:2009
XIV	Thử nghiệm gạch bê tông	
1	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
2	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999 TCVN 6477:2016
3	Xác định độ hút nước; Xác định độ rỗng	TCVN 6476:1999 TCVN 6477:2016
4	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
XV	Thử nghiệm cơ lý bê tông nhẹ	
1	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan và kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt	TCVN 9030:2017
2	Xác định cường độ nén	TCVN 9030:2017
3	Xác định độ hút nước	TCVN 9030:2017
XVI	Gạch, đá ốp lát tự nhiên, nhân tạo	
1	Kiểm tra kích thước, ngoại quan và chất lượng bề mặt	TCVN 4732:2016; TCVN 8057:2009
2	Xác định độ hút nước; Xác định độ bền uốn;	TCVN 6415:2016

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng./.

